TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIM ĐỘNG** **TỈNH HƯNG YÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2024/HSST
Ngày: 15.01.2024

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KIM ĐỘNG, TỈNH HƯNG YÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: bà Nguyễn Thị Ngọc Oanh.

Các Hội thẩm nhân dân: ông Trần Quang Binh và bà Nguyễn Thị Huế.

- Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Thơ - Thư ký Tòa án.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động tham gia phiên tòa: ông Bùi Kim Trung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 01 năm 2024, tại trụ sở, Tòa án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, mở phiên tòa sơ thẩm xét xử công khai vụ án hình sự thụ lý số 80/2023/TLST-HS ngày 04/12/2023, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2023/QĐXXST-HS ngày 22/12/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 01/2024/HSST-QĐ ngày 05/01/2024 đối với các bị cáo:

1. Lưu Thị C, sinh năm 1984; nơi cư trú: thôn D, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên; giới tính: Nữ; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 12/12. Con ông: Lưu Văn H, con bà: Nguyễn Thị C, chồng: Hoàng Văn H. Bị cáo có 02 con, con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2017. Tiền án, tiền sự: không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 03/7/2023 đến nay. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

2. Đỗ Văn V, sinh năm 1988; nơi cư trú: thôn D, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên; giới tính: Nam; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: không; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 07/12. Con ông: Đỗ Văn B (đã chết), con bà: Vũ Thị H; vợ: Nguyễn Thị Kim C. Bị cáo có 03 con, con lớn sinh năm 2013, con nhỏ sinh năm 2020. Tiền án, tiền sự: không. Nhân thân: Bản án số 71/2023/HSST ngày 29/11/2023 của Toà án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, xử phạt 01 năm 06 tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc. Bị cáo có mặt tại phiên toà.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

+ Chị Trần Thị V, sinh năm 1988 (vắng mặt);

Trú tại: thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

+ Anh Hoàng Văn H1, sinh năm 1984 (vắng mặt);

Trú tại: thôn T, xã C, huyện K, tỉnh Hưng Yên. Hiện nay đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Hưng Yên.

+ Anh Quách Dương H2, sinh năm 1987 (vắng mặt);

Trú tại : thôn L, xã H, huyện K, tỉnh Hưng Yên.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần có tiền để làm ăn kinh tế nên chị Trần Thị V nhờ Đỗ Văn V vay giúp chị V số tiền 170.000.000 đồng, V đồng ý. Biết Lưu Thị C có tiền cho vay, nên trưa ngày 23/5/2022 V đến nhà C hỏi vay số tiền nói trên cho chị V, C đồng ý. Sau đó, V cho chị V số điện thoại của C để chị V gọi điện cho C. Giữa C và chị V thỏa thuận: C cho chị V vay số tiền 170.000.000 đồng trong thời hạn 02 tháng, với lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày, tổng số tiền 170.000.000 đồng C cho vay, chị V phải trả lãi là 850.000 đồng/01 ngày và phải trả lãi = 25.500.000 đồng/01 tháng (tương đương tỷ lệ lãi suất 15%/01 tháng = 180%/01 năm), tiền lãi tháng đầu tiên C trừ luôn vào tiền gốc. C và chị V đều nói lại với V về việc C cho chị V vay số tiền 170.000.000 đồng với thời hạn vay và lãi suất như trên. Cùng ngày C chuyển tiền cho chị V vay, Chinh đã trừ luôn tiền lãi tháng đầu tiền 25.500.000 đồng, còn lại 144.500.000 đồng, C chuyển khoản trực tiếp cho chị V 51.000.000 đồng và đưa qua V số tiền 93.500.000 đồng để V đưa lại cho chị V hộ C. Sau khi cho chị V vay số tiền trên, đến đầu tháng 6/2022 thì C có nói cho anh Hoàng Văn H1 (là chồng của C) biết về việc C cho chị V vay tiền như nêu ở trên, thấy vậy anh H1 bảo với C thu tiền về không cho vay, do C đã chuyển tiền cho chị V vay và đã trừ hết tiền lãi tháng đầu vào tiền gốc rồi, thời hạn vay còn lại khoảng 01 tháng nên không thu được tiền ngay về nên anh H1 bảo với C giảm lãi suất xuống. Sau đó anh H1 gọi điện thoại thông báo cho chị V về việc giảm lãi xuống mức 3.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày. Như vậy, từ tháng thứ hai mỗi ngày chị V phải nộp tiền lãi là 510.000 đồng = 15.300.000 đồng/01 tháng. Đến tháng thứ hai chị V đã chuyển khoản trả 4.000.000 đồng tiền lãi vào tài khoản của anh H1. Sau khi nhận được số tiền lãi nêu trên, H1 có nói lại với C biết. Do bận không đến trực tiếp trả tiền cho C được nên ngày 21/7/2023, chị V 02 lần chuyển vào tài khoản của Đỗ Văn V với tổng số tiền 180.000.000 đồng (trong đó có 170.000.000 đồng tiền gốc và 10.000.000 đồng tiền lãi) và nhờ V trả cho C hộ chị V. Do cần có tiền làm ăn kinh tế nên V nói với chị V để V sử dụng số tiền gốc mà chị V trả cho C và tiền lãi V sẽ trả C, nếu C có hỏi chị V thì chị V cứ nói là đang khó khăn chưa trả được. Chị V đồng ý nên V đã trả cho C 10.000.000 đồng tiền lãi của chị V trả C, còn giữ lại số tiền 170.000.000 đồng. Đến cuối tháng 8/2022, V trả tiền lãi cho C 9.000.000 đồng, sau đó V không trả lãi cho C nữa. Đến tháng 12/2022, V

mới nói với C về việc chị V đã đưa 170.000.000 đồng cho V để trả cho C như nêu ở trên. Khi biết việc V là người sử dụng số tiền 170.000.000 đồng từ ngày 23/8/2022, C không tính tiền lãi với V còn thiếu từ ngày 23/8/2022 mà chỉ yêu cầu V trả tiền gốc. Sau đó V đã trả hết cho C số tiền 170.000.000 đồng nói trên bằng cách trừ vào tiền công trình mà V làm cho nhà C. Như vậy, từ ngày 23/5/2022 - 23/6/2022, C cho chị V vay 170.000.000 đồng, thu tiền lãi với mức 5.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày = 25.500.000 đồng/01 tháng, tương đương tỷ lệ lãi suất 15%/01 tháng = 180%/01 năm, vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm). Thu lời bất chính 22.667.000 đồng. Từ ngày 23/6/2022 đến ngày 21/7/2022, C cho chị V vay 170.000.000 đồng, thu tiền lãi với mức 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày = 15.300.000 đồng/01 tháng, tương đương tỷ lệ lãi suất 09% tháng = 108%/ năm, vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm). Thực tế C thu được của chị V 14.000.000 đồng. Thu lời bất chính 11.167.000 đồng. Từ ngày 22/7/2022 đến ngày 23/8/2022, C cho V vay 170.000.000 đồng, thu tiền lãi với mức 3.000 đồng/1.000.000 đồng/1 ngày = 15.300.000 đồng/01 tháng, tương đương tỷ lệ lãi suất 9% tháng = 108%/ năm, vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm). Thực tế C thu được của V 9.000.000 đồng. Thu lời bất chính 6.167.000 đồng.

Cũng qua Đỗ Văn V như nêu ở trên, khoảng tháng 6/2022, C cho anh Quách Dương H2 vay số tiền 20.000.000 đồng với lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày (tỷ lệ lãi suất là 15%/tháng = 180%/năm), tiền lãi tháng đầu tiên trực tiếp trừ vào số tiền vay là 3.000.000 đồng và không thỏa thuận thời hạn vay. Ngày 20/6/2022, C đưa cho V số tiền 17.000.000 đồng để V chuyển cho anh H2. Đến ngày 08/7/2022, anh H2 tiếp tục trả cho C 3.000.000 đồng tiền lãi bằng cách chuyển khoản cho C. Sau đó lần lượt các tháng 8, 9 và 10/2022, mỗi tháng anh H2 đưa cho V 3.000.000 đồng = 9.000.000 đồng để V trả tiền lãi cho C, tuy nhiên V mới đưa cho C được 4.000.000 đồng. Từ ngày 20/11/2022, anh H2 không trả tiền lãi. Đến tháng 12/2022, anh H2 đã đưa cho V số tiền vay gốc 20.000.000 đồng để V trả cho C nhưng V chưa đưa lại cho C. Quá trình C cho anh H2 vay tiền nêu trên, anh Hoàng Văn H1 (chồng của C) không biết. Đến tháng 01/2023, V nói với C việc anh H2 đã đưa cho Vương số tiền 20.000.000 đồng và tiền lãi đến hết tháng 10/2022 nên C chỉ yêu cầu V trả cho C 5.000.000 đồng tiền lãi và 20.000.000 đồng tiền gốc mà anh H2 đã trả cho C. Số tiền trên V đã trả hết cho C bằng cách trừ vào tiền công trình mà V làm cho nhà C. Như vậy, từ ngày 20/6/2022 đến ngày 20/11/2022, với sự giúp đỡ của Đỗ Văn V, Lưu Thị C cho anh Quách Văn H2 vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất là 5.000 đồng/1.000.000 đồng/01 ngày = 15.000.000 đồng, tương đương 15%/tháng = 180%/01 năm, vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất

quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm). Tổng số tiền lãi mà C thu được khi cho anh H2 vay là 15.000.000 đồng. Như vậy số tiền thu lời bất chính từ việc cho anh H2 vay của Lưu Thị C và Đỗ Văn V là 13.335.000 đồng.

Toàn bộ số tiền lãi và tiền thu lời bất chính nói trên, C đã nhận đủ và sử dụng hết.

Quá trình khám xét khẩn cấp chỗ ở của Hoàng Văn H1 (chồng của Lưu Thị C, ở cùng nhà) trong vụ án đánh bạc xảy ra ngày 16/6/2023, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Kim Động (dưới đây viết tắt là: Cơ quan điều tra) thu giữ: 01 quyển sổ bìa cứng màu đen có ghi chữ và số; 01 quyển sổ màu xanh có ghi chữ và số; số tiền 2.500.000 đồng. C thừa nhận tại quyển sổ bìa cứng màu đen bị thu giữ, bên trong có ghi tên 03 người C cho vay lãi.

Ngày 02/8/2023, Cơ quan điều tra đã ra Quyết định trưng cầu giám định chữ viết tại 03 trang giấy trong quyển sổ màu đen thu giữ của Lưu Thị C. Bản kết luận giám định số 243/KL-KTHS ngày 25/8/2023, của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Hưng Yên, kết luận: Chữ viết và chữ số trên ba trang giấy ký hiệu A1, A2, A3 trong quyển sổ màu đen là chữ viết của Lưu Thị C.

Đối với số tiền 2.500.000 đồng nói trên là của Hoàng Văn H1, Cơ quan điều tra đã được xử lý trong một vụ án khác. 01 quyển sổ màu đen và 01 quyển sổ màu xanh thu giữ khi khám xét chỗ ở của Hoàng Văn H1, quá trình điều tra xác định có nội dung liên quan đến hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của Lưu Thị C nên được lưu trong hồ sơ vụ án.

Đối với Hoàng Văn H1, khi C cho chị V vay tiền ban đầu H1 không biết. Đầu tháng 6/2022, C có nói cho H1 biết việc C cho chị V vay tiền, H1 không đồng ý và bảo C thu tiền về. Do không thu hồi được tiền về ngay nên H1 đã chủ động điện thoại cho chị V giảm lãi xuống mức 3.000 đồng/01 triệu/ngày, tương đương tỷ lệ lãi suất 09% tháng = 108%/năm, vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự (20%/năm). Tuy nhiên, số tiền thu lời bất chính từ việc cho chị V vay với mức lãi suất trên, chỉ thu lời bất chính 11.167.000 đồng nên hành vi của H1 chưa cấu thành tội phạm. Cơ quan Công an huyện Kim Động đã xử lý hành chính đối với Hoàng Văn H1 về hành vi nêu trên.

Đối với hành vi Lưu Thị C, vào khoảng giữa năm 2022, cho anh Trần Văn B, sinh năm 1987, trú tại: thôn L, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên, vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Tại phiên toà bị cáo khai: Bị cáo nhớ nhầm nên đã khai như trên, bị cáo có cho B vay tiền nhưng không tính lãi, anh B đã trả tiền cho bị cáo. Anh B xác định có vay C số tiền trên, hai bên không thoả thuận lãi suất và anh đã trả C số tiền 20.000.000 đồng, nên không có căn cứ xử lý.

Bị cáo C thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Bị cáo V khai nhận toàn bộ sự việc trên, bị cáo cho rằng không được hưởng lợi và không thu lời gì từ việc giúp C cho vay lãi nặng.

Cáo trạng số 84/CT-VKSKĐ ngày 30/11/2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động đã truy tố Lưu Thị C và Đỗ Văn V về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động trình bày luận tội: giữ nguyên quan điểm truy tố đối với các bị cáo Lưu Thị C và Đỗ Văn V về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" và đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Lưu Thị C.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58: Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đỗ Văn V.

Tuyên bố: các bị cáo Lưu Thị C và Đỗ Văn V phạm tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

Xử phạt: Bị cáo Lưu Thị C từ 01 (một) năm 06 (sáu) tháng đến 01 (một) năm 09 (chín) tháng Cải tạo không giam giữ.

Bị cáo Đỗ Văn V từ 01 (một) năm đến 01 (một) năm 06 (sáu) tháng Cải tạo không giam giữ. Bản án số 71/2023/HSST ngày 29/11/2023 của Toà án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, xử phạt 01 năm 06 tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt của hai bản án buộc bị cáo Đỗ Văn V phải chấp hành hình phạt chung từ 02 (hai) năm đến 03 (ba) năm Cải tạo không giam giữ. Bị cáo Đỗ Văn V được trừ thời gian đã chấp hành hình phạt từ ngày 05/01/2024 đến thời điểm Cơ quan Thi hành án hình sự huyện Kim Động nhận được quyết định thi hành án đối với bản án này.

Thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Kim Động nhận được quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo Lưu Thị C và Đỗ Văn V cho UBND xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên để giám sát, giáo dục.

Về khấu trừ thu nhập: khấu trừ thu nhập các bị cáo C, V từ 5% đến 10% mức thu nhập trung bình của các bị cáo để sung quỹ Nhà nước.

Về hình phạt bổ sung:

+ Xử phạt bị cáo Lưu Thị C từ 50.000.000 đồng đến 60.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Đỗ Văn V từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng.

Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2, điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 200.164.000 đồng (Hai trăm triệu một trăm sáu mươi tư nghìn đồng) đối với bị cáo Lưu Thị C.

Buộc bị cáo Lưu Thị C trả lại cho: chị Trần Thị V số tiền 33.834.000 đồng; Đỗ Văn V số tiền 6.167.000 đồng; anh Quách Dương H2 số tiền 13.335.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án mà người phải thi hành chưa thi hành hoặc chậm thi hành các khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

- Bị cáo nói lời sau cùng: các bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng mức hình phạt thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ đã được thẩm tra, tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng: Cơ quan điều tra và Điều tra viên; Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động và Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của các bị cáo*:* Lời khai nhận tội của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định: *"1. Lãi suất vay do các bên thỏa thuận.*

Trường hợp các bên có thỏa thuận về lãi suất thì lãi suất theo thỏa thuận không được vượt quá 20%/năm của khoản tiền vay, trừ trường hợp luật khác có liên quan quy định khác. Căn cứ tình hình thực tế và theo đề xuất của Chính phủ, Ủy ban thường vụ Quốc hội quyết định điều chỉnh mức lãi suất nói trên và báo cáo Quốc hội tại kỳ họp gần nhất…".

Như vậy có đủ căn cứ xác định, từ ngày 23/5/2022 đến ngày 23/6/2023 tại thôn Dưỡng Phú, xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động tỉnh Hưng Yên, với sự giúp sức của Đỗ Văn V, Lưu Thị C cho chị Trần Thị V vay 170.000.000 đồng, với mức lãi suất 15%/tháng = 180%/ năm (lãi suất gấp 09 lần mức lãi suất cao

nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự), mức lãi suất cho vay vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, số tiền lãi mà C thu được là 25.500.000 đồng, C thu lời bất chính 22.667.000 đồng. Từ ngày 23/6/2022 đến ngày 23/7/2022, C cho chị V vay 170.000.000 đồng, với mức lãi suất 09% tháng = 108%/ năm (lãi suất gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự), mức lãi suất cho vay vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, số tiền lãi C dự định thu của chị V là 15.300.000 đồng, thực tế số tiền lãi C thu được là 14.000.000 đồng, C thu lời bất chính 11.167.000 đồng. Từ ngày 23/7/2022 đến ngày 23/8/2022, C cho Đỗ Văn V vay 170.000.000 đồng, với mức lãi suất 9% tháng = 108%/ năm (lãi suất gấp 5,4 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự), mức lãi suất cho vay vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, số tiền lãi C dự định thu của V là 15.300.000 đồng, thực tế số tiền lãi C thu được là 9.000.000 đồng tiền lãi, thu lời bất chính 6.167.000 đồng. Từ ngày 20/6/2022 đến ngày 20/11/2022, với sự giúp đỡ của Đỗ Văn V, Lưu Thị C cho anh Quách Văn H2 vay số tiền 20.000.000 đồng, với mức lãi suất 15%/tháng = 180%/năm (lãi suất gấp 09 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự), mức lãi suất cho vay vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, số tiền lãi mà C thu được là 15.000.000 đồng, C thu lời bất chính 13.335.000 đồng. Tổng số tiền C thu lời bất chính từ việc cho chị Trần Thị V, Đỗ Văn V và anh Quách Dương H2 vay là 53.336.000 đồng. Bị cáo V đã giúp sức cho bị cáo C bằng cách, biết C có tiền cho vay, V đã giới thiệu và tạo điều kiện để người cần vay tiền và C kết nối với nhau, V người trực tiếp chuyển một phần tiền từ C cho vay đến người vay tiền và ngược lại, tạo điều kiện cho C thực hiện hành vi phạm tội, mặc dù bị cáo V không được hưởng lợi từ việc giới thiệu người vay tiền cho bị cáo C, nhưng bị cáo đã tích cực giúp sức cho C thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của các bị cáo C, V đủ yếu tố cấu thành tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Kim Động truy tố các bị cáo Lưu Thị C và Đỗ Văn V về tội Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, theo quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Đối với Hoàng Văn H1, khi C cho chị V vay tiền, ban đầu H1 không biết. Đầu tháng 6/2022, C có nói cho Hà biết việc C cho chị V vay tiền, H1 không đồng ý và bảo C thu tiền về. Do không thu hồi được tiền về ngay nên H1 đã chủ động điện thoại cho chị V giảm lãi xuống mức 3.000 đồng/01 triệu/ngày, tương đương tỷ lệ lãi suất 09%/tháng = 108%/ năm, vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự. Số tiền thu lời bất chính từ việc cho chị V vay với mức lãi trên, H và C thu lời bất chính là

11.167.000 đồng nên hành vi của H1 chưa cấu thành tội phạm. Cơ quan Công an huyện Kim Động đã xử lý hành chính đối với Hoàng Văn H1 về hành vi nêu trên là đúng quy định của pháp luật.

Đối với hành vi Lưu Thị C, khoảng giữa năm 2022, cho anh Trần Văn B, sinh năm 1987, trú tại: thôn L, thị trấn L, huyện K, tỉnh Hưng Yên, vay số tiền 20.000.000 đồng, với lãi suất 5.000 đồng/1.000.000 đồng/ngày. Sau 10 ngày anh B đã trả C tiền gốc là 20.000.000 đồng, tiền lãi là 1.000.000 đồng. Tổng cộng là 21.000.000 đồng. Anh B xác định có vay C 20.000.000 đồng và sau đó đã trả Chinh số tiền vay, hai bên không thoả thuận về lãi suất, do vậy không đủ căn cứ xử lý đối với C.

[4] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của các bị cáo.

- Các bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

- Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đó là: Phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; người phạm tội thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình, được quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

- Về nhân thân của bị cáo: bị cáo C là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự. Bị cáo Đỗ Văn V sau khi thực hiện hành vi phạm tội trên, ngày 26/6/2023 bị cáo có hành vi đánh bạc, tại Bản án số 71/2023/HSST ngày 29/11/2023 của Toà án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, xử phạt 01 năm 06 tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc.

[5] Xét về tính chất, vai trò, nhân thân, tình tiết tăng nặng và giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo trong vụ án: Hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong hoạt động tín dụng, kinh doanh tiền tệ. Các bị cáo là người có đầy đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, lợi dụng việc người dân khó khăn trong việc huy động vốn để làm ăn, hoặc chi tiêu trong sinh hoạt gia đình, đã thoả thuận lãi suất cao gấp 05 lần trở lên của mức lãi suất cao nhất được quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự, hành vi của các bị cáo đã xâm phạm đến lợi ích của công dân, gây tâm lý hoang mang cho quần chúng nhân dân và gây mất trật tự trị an xã hội tại địa phương. Trong vụ án này, các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội với vai trò đồng phạm giản đơn, bị cáo C là người trực tiếp thoả thuận cho người vay, chuyển tiền của mình cho người vay và trực tiếp được hưởng lợi từ việc cho vay với lãi suất cao nên giữ vị trí, vai trò thứ nhất; bị cáo V giúp sức cho bị cáo C nên bị cáo giữ vai trò, vị trí thứ hai.

[6] Về hình phạt: căn cứ vào nhân thân, tình tiết tăng nặng và tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo. Xét thấy, các bị cáo phạm tội ít nghiêm trọng nên áp dụng hình phạt Cải tạo không giam giữ đối với các bị cáo.

Tại Bản án số 71/2023/HSST ngày 29/11/2023 của Toà án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, xử phạt bị cáo Đỗ Văn V 01 năm 06 tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc. Thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Kim Động nhận được quyết định thi hành án. Ngày 05/01/2024 Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Kim Động nhận được quyết định thi hành án. Do vậy, thời gian bị cáo đã chấp hành hình phạt của bản án trước sẽ được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt chung.

+ Về khấu trừ thu nhập: các bị cáo C, V đều khai, các bị cáo hiện nay thu nhập ổn định, thu nhập bình quân mỗi tháng là 5.000.000 đồng. Do vậy, sẽ tính thu nhập bình quân một tháng đối với mỗi bị cáo là 5.000.000 đồng để khấu trừ thu nhập. Buộc các bị cáo C, V mỗi bị cáo phải khấu trừ thu nhập là 5%/ tháng (bằng 250.000 đồng) để sung quỹ Nhà nước.

[7] Về hình phạt bổ sung: tại khoản 3 Điều 201 Bộ luật Hình sự quy định: Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng. Cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định từ 01 năm đến 05 năm. Xét thấy, các bị cáo làm nghề tự do, bị cáo C là người được hưởng lợi từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự nên xử phạt bị cáo C số tiền là 60.000.000 đồng; bị cáo V giúp sức cho bị cáo C thực hiện hành vi phạm tội nên xử phạt bị cáo V số tiền 30.000.000 đồng, sung ngân sách Nhà nước.

[8] Về xử lý vật chứng:

- Đối với 02 quyển sổ (01 quyển sổ bìa cứng màu đen có ghi chữ và số; 01 quyển sổ bìa cứng màu xanh có ghi chữ và số) thu giữ tại nhà Lưu Thị C và Hoàng Văn H1 chuyển theo hồ sơ vụ án. Xét thấy, 01 quyển sổ bìa cứng màu đen bên trong có ghi số và chữ, là của bị cáo C dùng để ghi chép lại sự việc cho vay lãi nặng của mình và người vay tiền là tài liệu chứng cứ của vụ án nên tịch thu lưu hồ vụ án; 01 quyển sổ bìa cứng màu xanh có ghi chữ và số không liên quan đến việc phạm tội của bị cáo C nên trả lại bị cáo và Hoàng Văn H1 (là chồng của bị cáo). Anh H1 có đơn đề nghị được uỷ quyền cho vợ là bị cáo C nhận thay bị cáo các tài liệu, đồ vật liên quan.

- Đối với số tiền 190.000.000 đồng, bị cáo C đã sử dụng vào việc phạm tội, cụ thể: bị cáo cho chị Trần Thị V và Đỗ Văn V vay số tiền 170.000.000 đồng và cho Quách Dương H2 vay số tiền 20.000.000 đồng. Tổng số tiền lãi C thu được của chị V 02 tháng là 39.500.000, tổng số tiền lãi thu được của V 01 tháng là 9.000.000 đồng; tổng số tiền lãi thu được của H2 05 tháng là 15.000.000 đồng (Trong đó, số tiền lãi thu được theo Bộ luật Dân sự của chị V 02 tháng là 5.666.000 đồng, của V 01 tháng là 2.833.000 đồng, của anh H2 05 tháng là 1.665.000 đồng; số tiền thu lời bất chính C thu được của: chị V tháng đầu là 22.667.000 đồng và tháng thứ hai là 11.167.000 đồng, của V là 6.167.000 đồng,

của anh H2 là 13.335.000 đồng). Do vậy, tịch thu số tiền 190.000.000 bị cáo sử dụng vào việc phạm tội và số tiền 10.164.000 đồng do bị cáo phạm tội mà có sung ngân sách Nhà nước. Trả lại V số tiền 6.167.000 đồng, chị V số tiền là 33.834.000 đồng, anh H2 số tiền 13.335.000 đồng.

- 06 USB chứa file ghi hình có âm thanh của bị cáo C, bị cáo V, chị Trần Thị V, anh Quách Dương H2 được chuyển kèm theo hồ sơ vụ án, sẽ được thu lưu hồ sơ vụ án.

[9] Về án phí: các bị cáo phải chịu án phí theo Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36 Bộ luật Hình sự đối với Lưu Thị C.

Căn cứ khoản 1 và khoản 3 Điều 201; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 17; Điều 58; Điều 36; khoản 1 Điều 55, khoản 1 Điều 56 Bộ luật Hình sự đối với Đỗ Văn V .

Tuyên bố: các bị cáo Lưu Thị C và Đỗ Văn V phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự".

Xử phạt:

+ Bị cáo Lưu Thị C 01 (một) năm 06 (sáu) tháng Cải tạo không giam giữ.

+ Bị cáo Đỗ Văn V 01 (một) năm Cải tạo không giam giữ. Bản án số 71/2023/HSST ngày 29/11/2023 của Toà án nhân dân huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên, xử phạt 01 năm 06 tháng Cải tạo không giam giữ về tội Đánh bạc. Tổng hợp hình phạt của hai bản án buộc bị cáo Đỗ Văn V phải chấp hành hình phạt chung là 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng Cải tạo không giam giữ. Bị cáo Đỗ Văn V được trừ thời gian đã chấp hành hình phạt từ ngày 05/01/2024 đến thời điểm Cơ quan Thi hành án hình sự huyện Kim Động nhận được quyết định thi hành án đối với bản án này.

Thời điểm chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ được tính từ ngày Cơ quan thi hành án hình sự Công an huyện Kim Động nhận được quyết định thi hành án.

Giao các bị cáo Lưu Thị C và Đỗ Văn V cho UBND xã Chính Nghĩa, huyện Kim Động, tỉnh Hưng Yên để giám sát, giáo dục.

Về khấu trừ thu nhập: các bị cáo Lưu Thị C và Đỗ Văn V, mỗi bị cáo mỗi tháng bị khấu trừ thu nhập số tiền là 250.000 đồng.

Đối với bị cáo C, việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng. thời điểm tính từ ngày chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ.

Đối với bị cáo V việc khấu trừ thu nhập được thực hiện hàng tháng, thời hạn là 12 tháng. Thời điểm tính từ ngày chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ.

Trường hợp người bị phạt cải tạo không giam giữ không có việc làm hoặc bị mất việc làm trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng không quá 04 giờ trong một ngày và không quá 05 ngày trong một tuần. Người bị kết án cải tạo không giam giữ phải thực hiện những quy định tại Luật Thi hành án hình sự.

- Về hình phạt bổ sung:

+ Xử phạt bị cáo Lưu Thị C số tiền 60.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

+ Xử phạt bị cáo Đỗ Văn V số tiền 30.000.000 đồng sung ngân sách Nhà nước.

Về xử lý vật chứng: căn cứ điểm a, b khoản 1 và khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, b khoản 2 và điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Tịch thu lưu hồ sơ vụ án 01 quyển sổ bìa cứng màu đen bên trong có ghi chữ và số.

- Lưu giữ trong hồ sơ vụ án 06 USB chứa file ghi hình có âm thanh của bị cáo Chinh, bị cáo V, chị Trần Thị V, anh Quách Dương H2.

- Trả lại ngay cho bị cáo Lưu Thị C và anh Hoàng Văn H1 01 quyển sổ bìa cứng màu xanh bên trong có ghi chữ và số.

- Tịch thu sung ngân sách Nhà nước số tiền 200.164.000 đồng đối với bị cáo Lưu Thị C.

- Buộc bị cáo Lưu Thị C phải trả: chị Trần Thị V số tiền 33.834.000 đồng; anh Quách Dương H2 số tiền 13.335.000 đồng; Đỗ Văn V số tiền 6.167.000 đồng.

Kể từ ngày án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, Cơ quan thi hành án ra quyết định thi hành án mà người phải thi hành chưa thi hành hoặc chậm thi hành các khoản tiền trên thì phải trả lãi đối với số tiền chưa thi hành tương ứng với thời gian và số tiền chậm thi hành. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật Dân sự; nếu không có thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Về án phí: căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa

án. Các bị cáo Lưu Thị C và Đỗ Văn V, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo: bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, người có mặt tính từ ngày tuyên án sơ thẩm, người vắng mặt được tính từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh (Phòng KTNV & THA);
- VKSND huyện;
- Cơ quan điều tra và bộ phận HSNV Công an huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Bị cáo; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Sở Tư Pháp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Ngọc Oanh